TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TÂN CHÂU** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 21 tháng 4 năm 2023
"V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Dẫm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quốc Dũng;

2. Bà Thái Trân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Huỳnh Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên toà: Ông Trần Huy Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 517/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2022 về "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Bích N, sinh năm 1992; Nơi cư trú: Khóm B, phường H, thị xã T, tỉnh An Giang; Chỗ ở hiện nay: Phường A, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

- *Bị đơn*: Anh Lư Nhất T, sinh năm 1989; Nơi cư trú: Khóm B, phường H, thị xã T, tỉnh An Giang.

Chị N có mặt tại phiên tòa; Anh T vắng mặt không rỏ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị Bích N trình bày: Hôn nhân giữa chị N và anh T do tự tìm hiểu, có tiến hành tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 74/2012 ngày 09/7/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng bắt đầu từ năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp nên vợ chồng thường xuyên xảy ra tranh cãi nên chị N và anh T đã

không còn chung sống nhau từ năm 2021 đến nay. Nay nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị N yêu cầu ly hôn với anh Lư Nhất T.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị N và anh T có 02 (hai) con chung tên Lư Lê N, sinh ngày 28/9/2012 và Lư Lê Gia P, sinh ngày 04/4/2021. Hiện các con chung đang sống với chị N, khi ly hôn chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng các con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành tống đạt Thông báo thụ lý vụ án số 951/TB-TLVA ngày 19/12/2022 cho anh Lư Nhất T thông qua người thân là ông Lư Văn M (cha ruột anh T) nhận thay và ông Mừng xác nhận có thông tin cho anh T biết về việc chị Lê Thị Bích N khởi kiện ly hôn với anh T tại Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang nhưng đến nay Tòa án không nhận được văn bản ý kiến của anh T đối với yêu cầu của chị N và các tài liệu chứng cứ kèm theo (nếu có) của anh T gửi cho Tòa án.

Tòa án đã ra thông báo mở phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T vắng mặt theo các lần triệu tập của Tòa án nên Tòa án không tiến hành mở phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải về tình cảm, con chung được. Ngày 02/3/2023, Tòa án ban hành Thông báo số 13/TB-TA về việc công khai tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập cho anh Lư Nhất T được biết thông qua việc tống đạt cho người thân nhận thay (ông Lư Văn M là cha ruột anh T) nhưng anh T không gửi văn bản ghi ý kiến của anh T cho Tòa án.

Tại phiên tòa, anh T vắng mặt, chị N cương quyết yêu cầu ly hôn với anh T.

Hội đồng xét xử công bố thông báo về kết quả giải quyết, hủy bỏ đăng ký cư trú của chị Lê Thị Bích N; Thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư của anh Lư Nhất T; Biên bản không lấy được lời khai của anh Lư Nhất T; Biên bản xác minh (ghi lời khai) của ông Lư Văn M (cha ruột của anh Lư Nhất T); Đơn xác nhận nguyện vọng của cháu Lư Lê N. Cụ thể:

- Qua thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư của anh Lư Nhất T được biết: Anh Lư Nhất T, sinh năm 1989 có nơi thường trú tại: Khóm B, phường H, thị xã T, tỉnh An Giang; Nơi ở hiện tại: Khóm B, phường H, thị xã T, tỉnh An Giang.

- Theo đơn xin xác nhận về nguyện vọng của cháu Lư Lê N trình bày hiện tại cháu N đang sống với mẹ (chị N), khi cha mẹ ly hôn cháu N có nguyện vọng sống với mẹ là bà Lê Thị Bích N.

- Ngày 12/01/2023 Toà án nhân dân thị xã Tân Châu tiến hành lập biên bản không lấy được lời khai của anh Lư Nhất T có sự chứng kiến của ông Lư

Văn M (cha ruột anh T) và Ban khóm Long Thị B, phường H, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- Ngày 12/01/2023 Toà án nhân dân thị xã Tân Châu tiến hành xác minh ông Lư Văn M (cha ruột anh T) được biết: Ông M là người nhận thay anh T các văn bản tố tụng do Toà án phát hành và có thông tin lại cho anh T biết nội dung, anh T biết việc chị N yêu cầu ly hôn với anh T. Anh T không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị N, giữa anh T và chị N đã không còn chung sống từ mùa dịch đến nay, mâu thuẫn thế nào thì ông M không biết. Giữa anh T và chị N có 02 (hai) con chung tên Lư Lê N, sinh ngày 28/9/2012 và Lư Lê Gia P, sinh ngày 04/4/2021 hiện hai cháu đang sống với chị N, được chị N chăm sóc tốt, đầy đủ về cuộc sống và được ăn học như những đứa trẻ khác.

- Phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng quy định tại các Điều 195, Điều 196 và Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về xét sử sơ thẩm vụ án.

+ Việc tuân theo pháp luật của đương sự: Bị đơn vắng mặt, nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ hồ sơ vụ án, tài liệu chứng cứ, kết quả tranh luận tại phiên tòa: chị N và anh T do tự tìm hiểu, có tiến hành tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 74/2012 ngày 09/7/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng bắt đầu từ năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp nên vợ chồng thường xuyên xảy ra tranh cãi nên chị N và anh T đã không còn chung sống từ năm 2021 đến nay. Nay nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N yêu cầu ly hôn với anh Lư Nhất T là có căn cứ.

Về nuôi con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị N và anh T có 02 (hai) con chung tên Lư Lê N, sinh ngày 28/9/2012 và Lư Lê Gia P, sinh ngày 04/4/2021. Hiện các con chung đang sống với chị N, khi ly hôn chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng các con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Chấp nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến, nếu sau này giữa chị N và anh T có phát sinh tranh chấp về tài sản chung, nợ chung thì được giải quyết bằng vụ án khác.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 227, Điều

271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Bích N được ly hôn anh Lư Nhất T.

Về nuôi con chung: Chị Lê Thị Bích N được nuôi dạy các cháu Lư Lê N, sinh ngày 28/9/2012 và Lư Lê Gia P, sinh ngày 04/4/2021 cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động. Anh Lư Nhất T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị N không có yêu cầu.

Về án phí: Chị Lê Thị Bích N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

**Về tố tụng:*

[1] Về thẩm quyền: Chị Lê Thị Bích N khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Lư Nhất T. Anh T có nơi cư trú: Khóm B, phường H, thị xã T, tỉnh An Giang. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn anh Lư Nhất T được tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

** Về nội dung:*

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị N và anh T tự tìm hiểu, có tiến hành tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn số 74/2012 ngày 09/7/2012. Hôn nhân giữa chị N và anh T là hợp pháp, phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Chị N khai, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng bắt đầu từ năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp nên vợ chồng thường xuyên xảy ra tranh cãi nên chị N và anh T đã không còn chung sống nhau từ năm 2021 đến nay, nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N yêu cầu ly hôn với anh Lư Nhất T.

Vợ chồng có nghĩa vụ chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc. Tòa án đã tổ chức hòa giải nhiều lần để tạo điều kiện cho chị N và anh T hàn gắn tình cảm gia đình nhưng anh T vắng mặt và không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án. Từ đó, cho thấy anh T chưa thật sự hàn gắn tình cảm với chị N.

Tình trạng vợ chồng chị N và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu tiếp tục duy trì hôn nhân thì khó xây dựng được gia đình hòa thuận, hạnh phúc và bền vững. Xét, cho chị N ly hôn với anh T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về nuôi con chung: Chị N và anh T có 02 (hai) con chung tên Lư Lê N, sinh ngày 28/9/2012 và Lư Lê Gia P, sinh ngày 04/4/2021. Hiện các con chung đang sống với chị N, khi ly hôn chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng các con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Theo đơn xin xác nhận của UBND phường A, thành phố V, tỉnh Vị Thanh về nguyện vọng của cháu Lư Lê N trình bày hiện tại cháu N đang sống với mẹ (chị N), khi cha mẹ ly hôn cháu N có nguyện vọng sống với mẹ là chị Lê Thị Bích N.

Biên bản xác minh (ghi lời khai) ông Lư Văn M – cha ruột của anh Lư Nhất T trình bày: Giữa anh T và chị N có 02 (hai) con chung tên Lư Lê N, sinh ngày 28/9/2012 và Lư Lê Gia P, sinh ngày 04/4/2021 hiện hai cháu đang sống với chị N, được chị N chăm sóc tốt, đầy đủ về cuộc sống và được ăn học như những đứa trẻ khác.

Xét, chị N yêu cầu được nuôi dưỡng các con chung tên Lư Lê N, sinh ngày 28/9/2012 và Lư Lê Gia P, sinh ngày 04/4/2021 là phù hợp quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét chấp nhận.

Chị Lê Thị Bích N cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Lư Nhất Thanh trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị N khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét, nếu sau này giữa chị N và anh T có phát sinh tranh chấp về tài sản chung, nợ chung thì được giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Lê Thị Bích N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, chị N đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Lư Nhất T không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[5] Qua phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật về quan điểm giải quyết vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9 và Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Bích N.

Chị Lê Thị Bích N được ly hôn với anh Lư Nhất T.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 74/2012 ngày 09/7/2012 do Uỷ ban nhân dân phường H, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang cấp cho chị Lê Thị Bích N và anh Lư Nhất T không còn giá trị pháp lý.

Về nuôi con chung: Chị Lê Thị Bích N được nuôi dưỡng các con chung tên Lư Lê N, sinh ngày 28/9/2012 và Lư Lê Gia P, sinh ngày 04/4/2021 cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động. Anh Lư Nhất T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Lê Thị Bích N cùng các thành viên gia đình (nếu có) được cản trở anh Lư Nhất T không trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Chị Lê Thị Bích N phải chịu *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* theo biên lai số 0006895 ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Anh Lư Nhất T không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Thời hạn kháng cáo của chị Ngọc là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Riêng thời hạn kháng cáo của anh T là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,

7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TX. Tân Châu;
- Chi cục THADS TX. Tân Châu;
- Toà án nhân dân tỉnh An Giang;
- UBND phường H, thị xã T, tỉnh An Giang;
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Hữu Dẫm